

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LANG CHÁNH  
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 21/2021/HS-ST  
Ngày 23 tháng 11 năm 2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH HÓA**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Viết Tám.*

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lương Văn Âu
2. Bà Nguyễn Thị Liên

*Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Vân là Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.*

*Đại diện VKSND huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thanh - Kiểm sát viên.*

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2021/TLST-HS ngày 07/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HS ngày 04/11/2021, đối với bị cáo:

**Lê Văn Tr, sinh năm 1985**, tại xã TT, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tiểu khu KmX, xã TT, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xung K (*Đã chết*) và bà Lê Thị T, sinh năm 1948; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 26/6/2021 đến ngày 02/7/2021 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam; có mặt.

*Bị hại: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1989.*

Nơi cư trú: Thôn CN, xã GA, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

**Ông Lê Hồng V, sinh năm 1957**

Nơi cư trú: Thôn CN, xã GA, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

*Người làm chứng:*

- Anh Nguyễn Quốc S, sinh năm 1991

- Anh Nguyễn Đăng Th, sinh năm 1974

Cùng cư trú: Phố X, thị trấn CN, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa; đều vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện chất ma túy, không có tiền tiêu xài, nên sáng ngày 22/6/2021, Lê Văn Tr đi đến khu vực cổng Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khoảng 10 giờ cùng ngày, phát hiện có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, biển kiểm soát 36B2-153.79 của chị Phạm Thị H đang dựng bên cạnh bảng tên Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh, đang cắm sẵn chìa khóa. Quan sát xung quanh không có người trông coi, Tr đi đến mở khóa, nổ máy và điều khiển xe đi đến đoạn đường vắng thuộc địa phận xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh thì dừng xe. Tr mở cốp xe để kiểm tra, phát hiện bên trong cốp xe có 01 chiếc ví cầm tay, bên trong ví có số tiền 65.000 đồng; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê Minh T là chồng của bị hại Phạm Thị H; 01 Giấy phép lái xe, 01 Giấy chứng minh nhân dân, 03 thẻ ATM đều mang tên Phạm Thị H; 01 Căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Hồng V. Tr lấy số tiền 65.000 đồng và Giấy chứng nhận đăng ký xe bỏ vào túi quần, còn chiếc ví và các giấy tờ còn lại Tr vút xuống ta luy âm bên đường. Tr tiếp tục điều khiển xe đến Bệnh viện đa khoa huyện Quan Hóa gửi ở nhà xe và đi vào Bệnh viện lấy thuốc điều trị bệnh HIV/AIDS. Sau khi lấy thuốc xong, Tr bắt xe khách đến phố Đồng Tâm, huyện Bá Thước chơi. Đến trưa ngày 23/6/2021, Tr quay lại nhà xe Bệnh viện đa khoa huyện Quan Hóa lấy xe đến nhờ người bạn tên C ở phố ĐT, huyện BT đưa đến nhà Nguyễn Đăng Th trú tại phố X, thị trấn CN, huyện BT, Th dẫn Tr đến cầm cố chiếc xe cho Nguyễn Quốc S (gần nhà Th) được 2.000.000 đồng, số tiền này Tr đã chi tiêu hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 29/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lang Chánh kết luận: Chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, biển kiểm soát 36B2-153.79 đã qua sử dụng, giá trị chiếc xe tại thời điểm bị trộm cắp là 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Về vật chứng của vụ án:

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại: Wave RSX, biển kiểm Soát 36B2-153.79, xe đã qua sử dụng; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 070366, cấp ngày 13/6/2012. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Phạm Thị H.

- 01 (một) áo phông cộc tay; 01 (một) áo dài tay, dạng áo chống nắng; 01 (một) đôi dép nhựa, loại dép tổ ong. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Lê Văn Tr.

Về trách nhiệm dân sự:

Chị Phạm Thị H yêu cầu Lê Văn Tr bồi thường cho chị tổng số tiền 765.000 đồng, bao gồm: Số tiền Tr chiếm đoạt 65.000 đồng; chi phí làm lại giấy phép lái xe 500.000 đồng; chi phí làm lại 03 thẻ ATM 200.000 đồng. Ông Lê Hồng V yêu

cầu Lê Văn Tr bồi thường cho ông tổng số tiền 650.000 đồng, bao gồm: Chi phí làm lại căn cước công dân 150.000 đồng; chi phí làm lại giấy phép lái xe 500.000 đồng. Đến nay Tr chưa bồi thường thiệt hại.

Lê Văn Tr đã mang chiếc xe mô tô trộm cắp được đến cầm cố cho Nguyễn Quốc S để vay tiền, nhưng S không nhận cầm cố, song do nể Tr là bạn của C và Th nên S đã cho Tr vay 2.000.000 đồng và cho Tr gửi xe tại nhà mình. Khi biết chiếc xe Tr để lại là tài sản do Tr phạm tội mà có, S đã giao nộp cho cơ quan điều tra để giải quyết theo quy định và tự nguyện không yêu cầu Tr phải trả lại số tiền Tr đã vay của S.

Sau khi lấy trộm được chiếc xe mô tô của chị H, Tr đã nhờ người tên C và Nguyễn Đăng Th dẫn Tr đến cầm cố chiếc xe cho Nguyễn Quốc S. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch của người có tên C, còn Th và S không biết chiếc xe là tài sản do Tr phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKSLC ngày 07/10/2021 của VKSND huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa truy tố Lê Văn Tr về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Văn Tr phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; xử phạt bị cáo từ 09 (*Chín*) đến 12 (*Mười hai*) tháng tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; buộc bị cáo bồi thường cho chị H số tiền 765.000 đồng; bồi thường cho ông Lê Hồng V 650.000đ; vật chứng của vụ án đã xử lý trong quá trình điều tra nên miễn xét; bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Văn Tr thành khẩn nhận tội, bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên; đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp để bị cáo có điều kiện cải tạo, học tập trở thành người tốt.

Bị hại không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên; đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lang Chánh, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của những người tham gia tố tụng khác, đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 10 giờ, ngày 22/6/2021, tại khu vực cổng Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh thuộc khu phố Lê Lai, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, lợi dụng sơ hở của chị Phạm Thị H, Lê Văn Tr đã lén lút chiếm đoạt của chị H chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu loại Wave RSX, biển kiểm soát 36B2-153.79 đang dựng trước cổng Bệnh viện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Giá trị chiếc xe mô tô trên hai triệu đồng và dưới năm mươi triệu đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự xã hội được duy trì, tài sản của công dân được bảo hộ; để giáo dục người phạm tội, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố là ông Lê Xung K là người có công với cách mạng, nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo là một giáo viên nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện phấn đấu vươn lên trong công tác cũng như trong cuộc sống mà đua đòi, chơi bời lêu lổng, bị cáo là người nghiện ma túy nên không có khả năng tự cải tạo, nếu không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù sẽ gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành người tốt.

[5]. Hiện nay, bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, đang sống nương nhờ mẹ đẻ của bị cáo, vì vậy cần xem xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

- Xét yêu cầu bồi thường của chị Phạm Thị H và ông Lê Hồng V thấy: Chị hợp yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản gồm: Số tiền bị cáo chiếm đoạt 65.000đ, chi phí làm lại Giấy phép lái xe 500.000đ, chi phí làm lại 03 thẻ ATM 200.000đ, tổng là 765.000đ. Ông V yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản gồm: Chi phí làm lại Giấy phép lái xe 500.000đ, chi phí làm lại Căn cước công dân 150.000đ, tổng là 650.000đ. Mặc dù cả chị H và ông V không xuất trình được chứng cứ để chứng minh, nhưng tại phiên tòa bị cáo thừa nhận những thiệt hại tài sản của chị H, ông V là do bị cáo gây ra và chấp nhận bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của chị H và ông V. Vì vậy, yêu cầu của chị H và ông V có cơ sở

chấp nhận. Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị H 765.000đ (Bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng); bồi thường cho ông V 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

- Đối với số tiền 2.000.000 đồng Tr đã vay của anh Nguyễn Quốc S, anh S tự nguyện không yêu cầu Tr phải trả lại, nên chấp nhận sự tự nguyện của anh S.

[7]. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án đã được cơ quan điều tra xử lý trong quá trình điều tra, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Bị cáo bị kết án và phải bồi thường thiệt hại tài sản nên phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên:**

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Tuyên bố:** Bị cáo Lê Văn Tr phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

**Áp dụng:** Khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Lê Văn Tr 09 (*Chín*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 26/6/2021.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

**Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 589, khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Phạm Thị H tổng số tiền 765.000đ (Bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng);

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Hồng V tổng số tiền 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng);

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu bên phải thi hành án thi hành không đầy đủ thì bên phải thi hành án phải chịu lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Lê Văn Tr phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo Lê Văn Tr và bị hại Phạm Thị H, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Hồng V được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT Công an huyện Lang Chánh;
- CQTHAHS Công an huyện Lang Chánh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN  
TOÀ**

***Lê Viết Tám***